TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 30/12/2021
V/v "tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh.
Các Thẩm phán: bà Trần Thị Sâm.
bà Nguyễn Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Phạm Hữu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về *"tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con"*.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2021/QĐ - PT ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Trần Xuân B, sinh năm 1982;
ĐKHKTT: số 1/6b đường H, phường 10, quận T, thành phố H.
Nơi ở hiện nay: số 87/42 B, phường S, quận T, Thành phố H.

2. Bị đơn: chị Vũ Thị D, sinh năm 1983;
ĐKHKTT: số nhà 18, ngõ 97, đường L, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.
Nơi ở hiện nay: số nhà 51, ngõ 304, đường N, phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3. Người kháng cáo: nguyên đơn anh Trần Xuân B.

Tại phiên tòa có mặt chị Vũ Thị D; anh Trần Xuân B có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2021, Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Xuân B trình bày:

Anh và chị Vũ Thị D trước đây là vợ chồng hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có hai con chung là cháu Trần Vũ Phương T *(tên gọi khác là Trần*

Phương T), sinh ngày 18/3/2012 và cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 10/12/2014. Do mâu thuẫn vợ chồng, năm 2016 anh và chị Vũ Thị D đã thuận tình ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 79/2016/QĐ- ST-HN ngày 14/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định: giao hai con chung cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng/1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2016 đến khi thành niên tự lo được cuộc sống. Sau khi ly hôn, anh chuyển công tác vào thành phố H, chị Vũ Thị D và hai con vẫn sống chung với bố mẹ đẻ của anh là bà Vũ Thị L và ông Trần Quốc T tại số nhà 18, ngõ 97, đường L, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Do ở cùng nhà, ba mẹ con chị Vũ Thị D ăn uống, sinh hoạt hàng ngày cùng bố mẹ đẻ anh nên số tiền cấp dưỡng nuôi con, anh gửi trực tiếp cho bố mẹ đẻ để chi tiêu sinh hoạt cho hai cháu. Chị Vũ Thị D đi làm cả ngày, bố mẹ anh là người đưa đón các cháu đi học hàng ngày. Năm 2020, công việc của anh thay đổi, thường xuyên phải trực đêm, vết thương cũ tái phát, thường xuyên phải khám và điều trị tại bệnh viện, chi phí thuốc điều trị tốn kém nên anh không có điều kiện làm thêm ngoài giờ để tăng thu nhập, vợ anh không có công việc và thu nhập ổn định. Hiện tại, cuộc sống của gia đình chỉ trông vào phụ cấp lương hàng tháng của anh. Với điều kiện thực tế đó, việc cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức 3.000.000 đồng/1 tháng/02 cháu như thoả thuận đối với anh gặp rất nhiều khó khăn, vượt ngoài khả năng hiện nay của anh. Vì vậy, anh đề nghị Toà án giải quyết thay đổi mức cấp dưỡng và người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn đối với hai cháu Trần Vũ Phương T và Trần Thành Đ theo hướng: anh và chị Vũ Thị D cùng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, mỗi người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi một con. Anh cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thành Đ đến năm cháu 18 tuổi với mức cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng, cháu Trần Vũ Phương T do chị Vũ Thị D nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Vũ Phương T.

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn, chị Vũ Thị D trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh Trần Xuân B về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định của Tòa án đã giải quyết. Chị đã thực hiện đúng trách nhiệm nuôi con, đảm bảo cho các con được phát triển đúng độ tuổi về thể chất, tinh thần, các con được đi học và được chăm sóc chu đáo. Từ khi ly hôn đến nay anh Trần Xuân B mới nộp tiền cấp dưỡng được 05 tháng gồm: tháng 11, 12 năm 2020 và tháng 01, 02, 4 năm 2021 cho hai cháu thông qua cơ quan thi hành án dân sự thành phố N với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Chị đã liên hệ và được biết anh Trần Xuân B đã nộp tiền cấp dưỡng các tháng còn lại của năm 2021 đến hết tháng 8 năm 2021 cho con nhưng chị chưa nhận được do điều kiện khách quan, dịch bệnh nên cơ quan thi hành án dân sự quận T đang quản lý số tiền này. Nay anh Trần Xuân B có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không chấp nhận. Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung đối với các cháu Trần Vũ Phương T và cháu Trần Thành Đ là do anh Trần Xuân B và chị tự nguyện thoả thuận và với mức cấp dưỡng thiết yếu đã được Toà án công nhận theo quy định của pháp luật. Anh Trần Xuân B lại là người công tác trong lực lượng vũ trang có mức lương cao, ổn định,

có thời gian được tăng lương theo quy định và thời gian công tác. Các cháu đều còn rất nhỏ, đang đi học nên các chi phí hàng tháng thực tế của mỗi cháu khoảng 3.500.000 đồng/1 cháu, trong khi mức cấp dưỡng của anh Trần Xuân B cho các cháu là 3.000.000 đồng/2 cháu/1 tháng là mức tối thiểu. Hàng tháng, số tiền cấp dưỡng của anh Trần Xuân B không đủ đảm bảo cho các khoản chi phí của cả hai cháu từ học tập và các sinh hoạt khác, chị đều phải bù đắp thêm chi phí để nuôi dưỡng cả hai cháu. Khi ly hôn, anh Trần Xuân B chấp nhận để chị nuôi cả 2 cháu. Do vậy, chị không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Xuân B về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.500.000đ/1 tháng xuống mức 1.000.000đ/1 tháng, không chấp nhận việc anh Trần Xuân B chỉ cấp dưỡng nuôi 01 cháu.

Tại các bản tự khai, người làm chứng ông Trần Quốc T và bà Vũ Thị L trình bày:

Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Trần Xuân B. Từ khi ly hôn, chị Vũ Thị D cùng 2 con vẫn ở cùng nhà ông, bà tại số 18, ngõ 97, đường L, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian ở cùng nhà, ông bà không thu của mẹ con chị Vũ Thị D khoản tiền gì, còn tiền điện, tiền nước và các khoản chi phí khác do ông đóng góp. Mỗi tháng ông đưa cho chị Vũ Thị D 2.500.000 đồng để phụ nuôi các cháu. Đây là số tiền anh Trần Xuân B gửi về, ông bà là người nhận. Việc đưa tiền hàng tháng cho chị Vũ Thị D không có ký nhận. Chị Vũ Thị D đi làm theo ca: ca sáng từ 5 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút, ca chiều từ 13 giờ 30 phút đến 22 giờ 30 phút. Việc sinh hoạt của các cháu đều do ông, bà đảm nhiệm. Ngày 10/01/2021, chị Vũ Thị D cùng các con chuyển đi thuê nhà trọ. Từ khi ông, bà không đưa tiền cho chị Vũ Thị D, anh Trần Xuân B chuyển tiền trực tiếp cho chị Vũ Thị D để nuôi các cháu.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/9/2021, đại diện trường tiểu học cơ sở T, thành phố N cung cấp: năm học 2020-2021, cháu Trần Vũ Phương T là học sinh lớp 4K, cháu Trần Thành Đ là học sinh lớp 2G. Các khoản thu của Nhà trường đối với mỗi học sinh gồm: tiền điện 15.000đ/tháng, tiền nước 12.000đ/tháng, tiền vệ sinh 15.000đ/tháng, tiền ăn 19.000đ/bữa/ngày x 18 ngày = 342.000đ, tiền phục vụ bán trú 120.000đ/tháng. Tổng các khoản thu là 624.000đ/tháng. Năm học 2021-2022, Nhà trường dự kiến các khoản thu bằng mức thu năm học 2020-2021 hoặc có thể tăng khoảng 30.000đ.

Tại Bản án sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Xuân B đối với chị Vũ Thị D.

Buộc anh Trần Xuân B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Vũ Phương T, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 10/12/2014 mỗi tháng 1.500.000đ/1 cháu kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, anh Trần Xuân B có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do: anh mới thuyên chuyển công tác, thường xuyên đau ốm, phải thuê nhà, trả nợ ngân hàng, vợ anh không có việc làm, hiện nay chị Vũ Thị D có đủ điều kiện để nuôi con. Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện về mức cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Xuân B. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm có sai sót, cần sửa lại theo hướng bỏ đoạn 2, 3 của mục 1 phần quyết định. Anh Trần Xuân B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của anh Trần Xuân B được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Xuân B nhận thấy:

[2.1] Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 79/2016/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định: giao cho chị Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Vũ Phương T và cháu Trần Thành Đ; anh Trần Xuân B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vũ Thị D mỗi tháng với mức 1.500.000đ/1 cháu kể từ tháng 8 năm 2016 đến khi các cháu thành niên, tự lập được.

[2.2] Các cháu Trần Vũ Phương T, Trần Thành Đ đang là học sinh tiểu học riêng chi phí cho việc học tập tại trường mỗi cháu một tháng là 624.000đ, chưa kể các chi phí khác cho việc học thêm, mua sắm quần áo giầy dép cá nhân, dụng cụ học tập tại nhà, sinh hoạt hằng ngày… theo chị Vũ Thị D khai chi phí thực tế hiện nay cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng mỗi cháu một tháng là khoảng 3.500.000đ. Chị Vũ Thị D và hai cháu đang phải đi thuê nhà để ở với số tiền 2.500.000đ/01 tháng trong khi lương hàng tháng của chị Vũ Thị D là 7.000.000đ, lương hàng tháng của anh Trần Xuân B là 12.000.000đ. Hàng tháng anh Trần Xuân B đóng góp phí tổn nuôi hai con chung cùng chị Vũ Thị D với số tiền 3.000.000đ chỉ tương đương với mức tối thiểu để nuôi một cháu. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Xuân B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của

anh Trần Xuân B.

[3] Quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị D không có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung; khi xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm xác định không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung của anh Trần Xuân B đối với chị Vũ Thị D nhưng Tòa án cấp sơ lại tuyên buộc anh Trần Xuân B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Vũ Phương T, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 10/12/2014 mỗi tháng 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*/1 cháu kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi là vượt quá thẩm quyền. Cần sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm, không buộc anh Trần Xuân B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Vũ Phương T, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Trần Thành Đ, sinh ngày 10/12/2014 mỗi tháng 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)*/1 cháu kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi vì Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 79/2016/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố N đang có hiệu lực thi hành.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do Bản án sơ thẩm bị sửa nên anh Trần Xuân B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Sửa Bản án sơ thẩm số 18/2021/HNGĐ-ST ngày 18/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Ninh Bình như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung của anh Trần Xuân B đối với chị Vũ Thị D.

- Anh Trần Xuân B phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000608 ngày 13/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: anh Trần Xuân B không phải nộp, được trả lại số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000675 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Sâm **Nguyễn Thị Phượng** **Tạ Văn Vinh**